

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/DS - PT
Ngày 08 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Thia - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Nh, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp A, xã Tân B, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1961.

Bà Trần Thị L, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã A, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông T, bà L: Ông Lê Minh Nh, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 29/6/2022.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Minh Nh, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Lê Bình A, sinh năm 1987. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Cao Đỗ Thanh Th, sinh năm 1990. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T, bà Trần Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh trình bày: Vào ngày 24/5/2019, ông Lê Văn T và bà Trần Thị L có vay của ông số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 20%/năm. Mục đích vay tiền được ông T và bà L nêu ra là sử dụng vào mục đích riêng của gia đình. Thời hạn vay tiền là 03 tháng. Sau khi vay tiền, ông T và bà L có trả tiền lãi cho ông được 03 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng (*ngày 24/6/2019 ông nhận 12.000.000 đồng từ con dâu ông T; ngày 24/7/2019 ông nhận 12.000.000 đồng từ con dâu ông T; sau ngày 24/8/2019 ông nhận 11.000.000 đồng từ con rể*). Sau đó thì ông T và bà L không trả tiền lãi cho ông và cũng không hoàn trả tiền vốn cho ông. Vào ngày 07/10/2019, ông T và bà L tiếp tục vay của ông số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 20%/năm. Mục đích vay tiền được ông T và bà L nêu ra là sử dụng vào mục đích riêng của gia đình, thời hạn vay tiền là 03 tháng. Sau khi vay tiền, ông T và bà L không có trả tiền lãi và cũng không hoàn trả tiền vốn lại cho ông. Như vậy, tổng cộng số tiền ông Lê Văn T và bà Trần Thị L đã vay của ông là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng). Do ông T và bà L đã không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền, ông đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà L hoàn trả tiền vốn và trả tiền lãi nhưng ông T và bà L vẫn không trả. Nay ông yêu cầu ông Lê Văn T và bà Trần Thị L phải trả cho ông số tiền vốn vay 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 07/10/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện, với số tiền tạm tính là 440.000.000 đồng.

Tại bản tự khai bị đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị L và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Minh Nh trình bày: Ông Nh thừa nhận cha mẹ ông là ông Lê Văn T và bà Trần Thị L có ký tên vào các biên nhận ngày 24/5/2019 vay số tiền 700.000.000 đồng và biên nhận ngày 07/10/2019 vay 1.500.000.000 đồng nhưng thực chất là ông T, bà L ký tên vay dùm ông để ông cho người khác vay lại. Ông T, bà L không có nhận tiền mà tiền do ông nhận, cụ thể: Số tiền 700.000.000 đồng của biên nhận ngày 24/5/2019 ông Nh chuyển khoản cho ông cùng ngày 24/5/2019; còn số tiền 1.500.000.000 đồng thì ông Nh trực tiếp đem lên Thành phố Hồ Chí Minh giao cho ông, ông có giao lại cho ông Nh số tiền 500.000.000 đồng, ông chỉ nhận 1.000.000.000 đồng. Hai khoản vay này hai bên thỏa thuận lãi suất là 0,5%/ngày. Sau khi vay gia đình ông trả lãi cho ông Nh cụ thể: Chị Cao Đỗ Thanh Th (con dâu ông T) đóng 10 lần mỗi lần đóng số tiền lãi bằng 35.000.000 đồng. Anh Lê Bình A (con rể ông T) đóng lãi được 06 lần mỗi lần bằng 35.000.000 đồng, không nhớ thời gian cụ thể. Ông Lê Văn T đóng lãi 02 lần, lần đầu đóng số tiền lãi bằng 35.000.000 đồng và lần sau đóng 170.000.000 đồng và trả số tiền gốc là 750.000.000 đồng. Riêng ông đóng lãi cho ông Nh thông qua chuyển khoản nhiều lần trên 01 tỷ đồng. Nay ông Lê Văn T và bà Trần Thị L không đồng ý trả số nợ và lãi trên theo yêu cầu của ông Nh vì không thống nhất số tiền còn nợ của ông Nh như ông Nh yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Bình A trình bày: Ông Lê Văn T, bà Trần Thị L có vay tiền của ông Huỳnh Văn Nh nhưng không biết vay bao nhiêu tiền và vay để làm gì. Cách nay khoảng 1 – 2 năm do ông T lớn tuổi đi lại khó khăn nên có nhờ ông An đem tiền qua nhà ông Nh giao tiền lãi cho ông Nh, tổng cộng ông T nhờ ông giao khoảng 6 -7 lần mỗi lần là 35.000.000 đồng, lúc giao không có làm biên nhận hay ai chứng kiến, khi đưa ông và ông Nh cũng không có đếm lại tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cao Đỗ Thanh Th: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 429; Điều 288; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh.

Buộc ông Lê Văn T và bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỉ hai trăm triệu đồng) cho ông Huỳnh Văn Nh.

2. Đình chỉ phần yêu cầu về lãi suất của ông Huỳnh Văn Nh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh không rút yêu cầu khởi kiện. Ông Lê Minh Nh không rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L, ông Lê Văn T. Giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh với ông Lê Minh Nh thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Theo thỏa thuận thì ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Nh số tiền 1.700.000.000 đồng; thời hạn trả tính từ ngày 08/12/2022 đến hết ngày 31/5/2023, hết thời hạn này thì ông Huỳnh Văn Nh được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật; về án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh với ông Lê Minh Nh thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Nh số tiền 1.700.000.000 đồng; thời hạn trả tính từ ngày 08/12/2022 đến hết ngày 31/5/2023, hết thời hạn này thì ông Huỳnh Văn Nh được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật; về án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh tự nguyện chịu theo quy định pháp luật. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh với ông Lê Minh Nh thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Theo thỏa thuận thì ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Nh số tiền 1.700.000.000 đồng; thời hạn trả tính từ ngày 08/12/2022 đến hết ngày 31/5/2023, hết thời hạn này thì ông Huỳnh Văn Nh được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật; về án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh tự nguyện chịu theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận này giữa ông Huỳnh Văn Nh với ông Lê Minh Nh là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Do ông Lê Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông T.

Buộc bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh mỗi người phải chịu 21.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Nh số tiền tạm ứng án phí 42.400.000 theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006522 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS - ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh với ông Lê Minh Nh (*người đại diện hợp pháp của bị đơn ông T, bà L và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*): Ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Nh số tiền 1.700.000.000 đồng; thời hạn trả tính từ ngày 08/12/2022 đến hết ngày 31/5/2023, hết thời hạn này thì ông Huỳnh Văn Nh được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Do ông Lê Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông T.

Buộc bà Trần Thị L, ông Lê Minh Nh mỗi người phải chịu 21.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Nh số tiền tạm ứng án phí 42.400.000 theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006522 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0010479 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng